

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2026/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ một số chế độ,
chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 39/TTr-KTNS ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 49/BC-KTNS ngày 27 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XV, nhiệm kỳ 2026 - 2031; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ hai (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Lương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, các tổ chức, cá nhân giúp việc, phục vụ, tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân và cán bộ, công chức, người lao động cơ quan phục vụ trực tiếp các hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nội dung và mức chi hỗ trợ một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
I	Chi hỗ trợ phục vụ các kỳ họp của Hội đồng nhân dân			
1	Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu trong kỳ họp	Người/buổi	250	150
2	Chi hỗ trợ cho đại biểu mời theo giấy mời của Thường trực Hội đồng nhân dân	Người/buổi	200	120
3	Chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã giúp việc, phục vụ kỳ họp	Người/buổi	200	120
4	Chi hỗ trợ các đối tượng khác tham gia giúp việc, phục vụ kỳ họp	Người/buổi	150	100
5	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu mời, đại biểu Hội đồng nhân dân và bộ phận giúp việc, phục vụ trong những ngày diễn ra kỳ họp (đối với kỳ họp diễn ra trong 1/2 ngày được thực hiện bằng 01 ngày)	Người/ngày	200	150

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
6	Chi thuê phòng ngủ cho đại biểu ở xa về dự họp có nhu cầu bố trí chỗ ngủ		Thực hiện theo quy định hiện hành	
7	Chi tiền bồi dưỡng cho Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân (Chủ tọa kỳ họp)	Người/buổi	450	300
8	Chi tiền bồi dưỡng cho Thư ký phục vụ kỳ họp, Thư ký thảo luận Tổ	Người/buổi	200	120
9	Chi thảo luận Tổ			
a	Tổ trưởng tổ thảo luận	Người/buổi	250	150
b	Tổ phó tổ thảo luận	Người/buổi	200	100
c	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tổ trình tại kỳ họp	Văn bản	750	400
10	Chi hỗ trợ xây dựng Kế hoạch, Tờ trình, Báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp	Văn bản	1.000	400
11	Chi hỗ trợ việc rà soát kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân các cấp thông qua để ký ban hành (trừ các Nghị quyết quy phạm pháp luật)	01 Nghị quyết	1.000	400
II	Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân			
1	Chi hỗ trợ xây dựng Nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát, khảo sát	Văn bản	450	200
2	Chi hỗ trợ xây dựng kế hoạch, đề cương, báo cáo	Văn bản	750	300
3	Chi hỗ trợ các thành viên trong đoàn			
a	Trưởng đoàn, phó Trưởng đoàn	Người/buổi	250	150
b	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Người/buổi	200	120
c	Thành viên đoàn	Người/buổi	150	100
d	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	120	80

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
4	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Văn bản	1.500	600
5	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo kết quả giám sát	Văn bản	3.000	1.200
III	Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự phân công của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân			
1	Chi hỗ trợ xây dựng Nghị quyết, quyết định thành lập Đoàn giám sát, khảo sát	Văn bản	300	150
2	Chi hỗ trợ xây dựng kế hoạch, đề cương, báo cáo	Văn bản	500	200
3	Chi hỗ trợ các thành viên trong đoàn			
a	Trưởng đoàn, phó Trưởng đoàn	Người/buổi	200	120
b	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Người/buổi	150	100
c	Thành viên đoàn	Người/buổi	100	80
d	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	80	70
4	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo kết quả khảo sát	Văn bản	1.000	400
5	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo kết quả giám sát	Văn bản	2.000	800
IV	Chi hỗ trợ công tác thẩm tra tại kỳ họp (trừ công tác thẩm tra các nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân) và văn bản thẩm tra giữa hai kỳ họp			
1	Chi hỗ trợ nghiên cứu tài liệu phục vụ thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân, Lãnh đạo các Ban và thành viên các Ban Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh phụ trách công tác Hội đồng nhân dân (không quá 03 ngày)/01 kỳ họp	Người/ngày	300	150

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2	Chi hỗ trợ đại biểu tham dự Hội nghị thẩm tra của Hội đồng nhân dân (nếu họp trong các ngày nghỉ thì mức bồi dưỡng tăng gấp 02 lần so với ngày làm việc)			
a	Chủ trì hội nghị	Người/buổi	250	150
b	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Người/buổi	200	120
c	Đại biểu dự Hội nghị	Người/buổi	150	100
d	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	120	80
3	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban trình tại kỳ họp và văn bản thẩm tra giữa hai kỳ họp (trừ báo cáo thẩm tra Nghị quyết quy phạm pháp luật)	01 nội dung phân công	750	400
V	Chi hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri			
1	Khoản kinh phí mỗi điểm tiếp xúc cử tri	Điểm	2.500	1.200
2	Chi hỗ trợ các thành phần tham gia tiếp xúc cử tri			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Người/buổi	300	200
b	Đại biểu mời, Thư ký Hội nghị	Người/buổi	200	100
c	Cán bộ giúp việc, phục vụ	Người/buổi	150	70
3	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri trình tại kỳ họp	Văn bản	1.500	600
VI	Chi hỗ trợ tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân và giải quyết đơn thư			
1	Chi hỗ trợ tiếp công dân			
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Người/buổi	200	150
b	Các đối tượng khác	Thực hiện theo Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên		
2	Chi hỗ trợ xây dựng báo cáo đề xuất, giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo trình cấp có thẩm quyền (báo cáo này phải có điều tra nghiên cứu được Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua)	Văn bản	1.000	400

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
VII	Chi hỗ trợ phục vụ các phiên họp và các hoạt động khác của: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân			
1	Chi hỗ trợ các thành viên dự họp			
a	Chủ trì cuộc họp	Người/buổi	250	150
b	Các đại biểu dự họp	Người/buổi	200	100
c	Cán bộ phục vụ	Người/buổi	120	80
2	Chi hỗ trợ xây dựng Báo cáo, Tờ trình, Quyết định, Kế hoạch, Thông báo kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân	Văn bản	500	200
3	Chi hỗ trợ xây dựng, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân	Nghị quyết	650	300
VIII	Chi hỗ trợ tham mưu xây dựng, ban hành các Kế hoạch, Báo cáo, Tờ trình, Quyết định, Quy chế, Kết luận và Nghị quyết của Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn bản	500	
IX	Chi hỗ trợ hoạt động của các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện các nhiệm vụ như: Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri, sơ kết, tổng kết hoạt động và các hoạt động khác theo quy định			
1	Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có từ 07 đại biểu trở xuống	Tổ/năm	10.000	5.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
2	Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trên 07 đại biểu	Tổ/năm	Cứ 01 đại biểu tăng thêm được tính hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động bằng 1,5 triệu đồng/người/năm so với quy định tại khoản 1 mục này	Cứ 01 đại biểu tăng thêm được tính hỗ trợ thêm kinh phí hoạt động bằng 01 triệu đồng/người/năm so với quy định tại khoản 1 mục này
X	Chi hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã khi kết thúc nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân		3.000	1.500
XI	Các khoản chi hỗ trợ thăm hỏi ốm đau, tang lễ			
1	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm			
a	Trường hợp ốm đau, phải điều trị tại bệnh viện	Người/lần	1.000	600
b	Đại biểu đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo 01 lần/người/năm; trường hợp đặc biệt khó khăn thì được trợ cấp không quá 02 lần/người/năm	Người/lần	5.000	3.500
c	Trường hợp từ trần (lễ phúng viếng)	Người/lần	2.500	1.800
2	Đối với thân nhân là bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng, con của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi qua đời	Người/lần	1.500	800

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
3	Đối với đại biểu nguyên là Lãnh đạo Hội đồng nhân dân, Lãnh đạo chuyên trách các Ban			
a	Trường hợp ốm đau, phải điều trị tại bệnh viện	Người/lần	1.000	600
b	Trường hợp từ trần (lễ phúng viếng)		2.500	1.800
XII	Chi cho công tác xã hội (Người có công; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và lao động sản xuất, gia đình cá nhân gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể, cá nhân thuộc diện chính sách xã hội như: Các đơn vị bộ đội, công an, hộ nghèo, trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật, trường dân tộc nội trú...) theo Quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân			
1	Mức giá trị quà tặng đối với tập thể	Đơn vị/lần	5.000	3.000
2	Mức giá trị quà tặng đối với cá nhân	Người/lần	1.000	500
XIII	Chi hỗ trợ tiền may trang phục			
1	Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ tiền may trang phục, định mức 02 bộ/người/nhiệm kỳ	01 Bộ	6.000	4.000
2	Cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân được hỗ trợ may trang phục, định mức 01 bộ/người/nhiệm kỳ	01 Bộ	6.000	4.000
XIV	Chi trang trí, khánh tiết, giải khát giữa giờ và một số khoản chi phát sinh khác phục vụ Kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp, phục vụ các cuộc họp, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân		Thực hiện theo quy định hiện hành	

Điều 3. Chi phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ cho đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm chức danh của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Phụ cấp kiêm nhiệm

Đại biểu Hội đồng nhân dân đang giữ chức vụ ở các cơ quan, đơn vị khác nếu kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng chế độ phụ cấp kiêm nhiệm hằng tháng theo quy định hiện hành.

2. Mức hỗ trợ kiêm nhiệm: Đại biểu Hội đồng nhân dân đang giữ chức vụ ở các cơ quan, đơn vị kiêm nhiệm các chức danh của Hội đồng nhân dân các cấp được hỗ trợ kiêm nhiệm hằng tháng, tính theo hệ số lương cơ sở như sau:

a) Trưởng ban kiêm nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp xã bằng: 0,4 mức lương cơ sở;

b) Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bằng: 0,2 mức lương cơ sở;

c) Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bằng: 0,1 mức lương cơ sở;

d) Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã được hỗ trợ kiêm nhiệm hằng tháng bằng 60% so với mức hỗ trợ kiêm nhiệm của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Trách nhiệm chi trả phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ kiêm nhiệm

a) Các cơ quan, đơn vị có cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm các chức danh Chủ tịch, Trưởng ban, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm chi trả tiền phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ kiêm nhiệm cùng với tiền lương hằng tháng từ nguồn kinh phí ngân sách thường xuyên của cơ quan, đơn vị đó và khoản chi này không được dùng để tính nộp bảo hiểm xã hội, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân giữ nhiều chức vụ của Hội đồng nhân dân thì được hưởng mức phụ cấp trách nhiệm cao nhất.

Điều 4. Một số nội dung chi khác

1. Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được trang bị 01 máy tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng hoặc 01 thiết bị điện tử tương đương để phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân (đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh mức tối đa 25 triệu đồng/01 máy (thiết bị)/đại biểu; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã mức tối đa 20 triệu đồng/01 máy(thiết bị)/đại biểu).

2. Chế độ báo chí: Đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp 01 số báo về hoạt động dân cử/ngày.

3. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời và cán bộ, công chức phục vụ, tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân đã được hưởng tiền hỗ trợ và tiền ăn thì sẽ không được hưởng phụ cấp lưu trú.

4. Đối với hoạt động trao đổi công tác và học tập kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng nhân dân, của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân mức chi theo quy định hiện hành về chế độ đi công tác.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được hưởng hoạt động phí ở cấp đó; hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung chi: Trang phục; trang bị máy tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị điện tử tương đương và chỉ được cấp 01 số báo/ngày.

6. Các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân được thanh toán theo số ngày thực tế. Riêng hỗ trợ tiếp công dân chỉ được thanh toán nếu có tổ chức hoạt động này.

7. Các khoản chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không có trong quy định này do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Công tác lập dự toán, quản lý, thanh toán, quyết toán

1. Hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp chỉ đạo cơ quan phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân phối hợp cùng cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình, quản lý, thanh quyết toán theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, sử dụng kinh phí đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, hiệu quả, tiết kiệm.

2. Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng nhân dân

a) Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo các khoản chi: Chi phụ cấp kiêm nhiệm và hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm các chức danh của Hội đồng nhân dân các cấp; chi may trang phục trong một nhiệm kỳ; chi chế độ báo chí; chi trang bị máy tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị điện tử tương đương;

b) Các khoản chi còn lại phục vụ cho hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành./